

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự toán mua sắm: Hoàn thiện hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyển đổi số Văn phòng Đảng ủy phường Tân Mỹ
- Tên gói thầu: Hàng hóa- Hoàn thiện hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyển đổi số Văn phòng Đảng ủy phường Tân Mỹ.
- Chủ đầu tư: Văn phòng Đảng ủy phường Tân Mỹ.
- Địa điểm thực hiện: Văn phòng Đảng ủy phường Tân Mỹ - số 7 Tân Phú, phường Tân Mỹ, TP. HCM.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Nhà thầu có thể chào hàng hóa có tính chất kỹ thuật tương đương hoặc cao hơn yêu cầu kỹ thuật theo bảng sau đây nhưng phải đảm bảo khả năng tương thích và đồng bộ với những Mua sắm trang thiết bị đầu cuối tại Văn phòng Đảng ủy phường Tân Mỹ, phần mềm đã đầu tư:

STT	Tên hàng hóa và Tiêu chuẩn kỹ thuật
A	Bản quyền phần mềm (License)
1	Bản quyền Office
	Office Home 2024 All Lng APAC EM Retail Online ESD (Không Outlook) hoặc tương đương
B	Trang thiết bị đầu cuối cho cán bộ, công chức
1	Máy tính để bàn
	<ul style="list-style-type: none">- Bộ vi xử lý trung tâm: Intel® Core™ i5-14500 Processor 2.6GHz (24MB Cache, up to 5.0GHz, 14 cores, 20 Threads)- Bộ nhớ: ≥ x16GB DDR5 U-DIMM, khả năng nâng cấp tối đa 128GB- Lưu trữ: ≥ 1x512GB M.2 2280 NVMe™ PCIe® 4.0 SSD- Âm thanh: High Definition 7.1 Channel Audio- Cổng kết nối: 1x RJ45 Gigabit Ethernet, 1x HDMI 1.4, 1x VGA Port, 1x Displayport 1.4, 1x 7.1 channel audio, 9x USB 2.0/3.2, 1x USB 3.2 Gen 2*2 Type-C (mặt trước)- Khả năng mở rộng(bao gồm đã dùng): 1x PCIe® 4.0 x 16, 2x PCIe® 3.0 x 1, 1x đầu nối M.2 2230 cho thiết bị lưu trữ, 1x đầu nối M.2 2280 cho thiết bị lưu trữ, 1x đầu nối M.2 cho WiFi, 4x khe cắm DDR5 U-DIMM, 4x cổng SATA 6.0Gb/s- Bảo mật và tính năng AI đi kèm: Mô-đun nền tảng tin cậy rời rạc (TPM) 2.0; Chức năng đặt password bảo vệ tất cả dữ liệu được lưu trữ trên đĩa cứng; Chức năng khóa cổng USB qua BIOS; Khe khóa Kensington, Padlock

	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ khử ồn AI hai chiều giúp tối ưu hóa hội họp. Ứng dụng AI sử dụng trọn đời sản phẩm(tối thiểu 3 năm): hỗ trợ phụ đề lời nói và dịch nội dung trong các ứng dụng họp trực tuyến, tóm tắt nội dung cuộc họp(yêu cầu RAM 12G và không cần kết nối internet để bảo mật dữ liệu)" - Bàn phím và chuột quang: Chuẩn USB và đồng bộ thương hiệu với thùng máy - Nguồn: $\geq 330W$ power supply (80+ Platinum, peak 660W) - Nhân sinh thái và năng lượng: EPEAT Silver, Energy star 8.0 hoặc tốt hơn - Hệ điều hành: Windows 11 Home bản quyền cài đặt sẵn tại nhà máy(OEM) - Màn hình đồng bộ: $\geq 23.8"$ FHD - 1920 x 1080; Tấm nền: IPS; Độ sáng hiển thị: 300cd/m²; Tần số quét màn: 120Hz; Thời gian đáp ứng: 1ms MPRT Chi số màu sắc: 16.7 triệu màu - Công nghệ video SPLENDID. Cổng cắm kết nối tối thiểu: HDMI(v1.4) x 1, VGA x 1, Jack 3.5x1 - Phụ kiện trong hộp: Dây nguồn, Dây HDMI <p>Bảo hành: 12 tháng chính Hãng tại nơi lắp đặt. Có trung tâm bảo hành chính hãng tại Việt Nam, có thư xác nhận bảo hành chính Hãng khi giao hàng</p>
2	Máy tính xách tay (kèm theo bản quyền hệ điều hành Windows)
	<ul style="list-style-type: none"> - Vi xử lý: Intel® Core™ 5 Processor 120U 1.4 GHz (12MB Cache, up to 5.0 GHz, 10 Cores) - Bộ xử lý đồ họa: Intel® Graphics - Bộ nhớ: $\geq 16GB$ DDR5; 2x DDR5 SO-DIMM slots với khả năng nâng cấp tới 64GB - Ổ cứng: $\geq 512GB$ M.2 2280 NVMe™ PCIe® 4.0 SSD/ 2 khe cắm ổ cứng - Màn hình: 14" FHD (1920 x 1080) 16:9, IPS, LED Backlit, 300 nits, Anti-glare display - Card không dây: Wi-Fi 6E(802.11ax) (Dual band) 2*2 + Bluetooth® 5.4 Wireless Card - Camera: 1080p FHD camera With privacy shutter - Cổng giao tiếp: 2x USB 3.2 Gen 1 Type-A; 2x USB 3.2 Gen 2 Type-C support display / power delivery; 1x HDMI 1.4; 1x 3.5mm Combo Audio Jack; 1x RJ45 Gigabit Ethernet - Bộ sạc: TYPE-C, 65W AC Adapter, Output: 20V DC, 3.25A, 65W, Input: 100~240V AC 50/60Hz universal - Pin: 63WHrs, 3S1P, 3-cell Li-ion - Bảo mật và tính năng AI đi kèm: <ul style="list-style-type: none"> + Mô-đun nền tảng tin cậy (Trusted Platform Module 2.0) + Tính năng tự động phát hiện và khôi phục BIOS bị lỗi + Tính năng phát hiện xâm nhập phần cứng, tháo máy và lưu trữ lại lịch sử trong BIOS. + Tính năng khôi phục lại hệ điều hành gốc từ nhà sản xuất, trực tiếp từ internet thông qua BIOS. - Hệ điều hành: Windows 11 Home bản quyền cài đặt sẵn tại nhà máy(OEM) - Bảo hành chính Hãng: 12 tháng onsite chính Hãng (Có trung tâm bảo hành chính hãng tại Việt Nam, có thư xác nhận bảo hành chính Hãng khi giao hàng)
3	Máy in laser
	Tốc độ in (A4): ≥ 48 trang / phút

	<ul style="list-style-type: none"> - Độ phân giải: $\geq 1200 \times 1200$ dpi - Thời gian in trang đầu tiên: Tối đa 6.7 giây - khay giấy vào: ≥ 250 tờ - khay nạp giấy thủ công: ≥ 100 tờ - khay giấy ra: ≥ 150 tờ - Kích thước giấy: A4, Letter, B5 (JIS), A5, A5 (Long Edge), A6, Executive, Legal, Mexico Legal, India Legal, A4 (Short)/270 mm, Folio, 16K-Định lượng giấy (khay nạp giấy thủ công): 60 – 230 gsm - Tốc độ bộ xử lý: \geq Cortex-A53 1.2GHz Dual Core hoặc tương đương - Bộ nhớ: ≥ 1GB - Màn hình: 16 ký tự x 1 dòng - Giao tiếp tối thiểu: Hi-Speed USB 2.0, 10Base-T/100BaseTX/1000Base-T-Giải Pháp Di Động: AirPrint, Mopria - Sử dụng hộp mực in theo máy: Đen 3,000 trang - Công suất in hàng tháng: $\geq 90,000$ trang - Có xác nhận hàng hóa đảm bảo chất lượng, bảo hành theo tiêu chuẩn nhà sản xuất đến khách hàng. Bảo hành: ≥ 24 tháng
4	Máy scan tài liệu
	<ul style="list-style-type: none"> - Chế độ nạp giấy: ADF - Công suất quét/ngày: Lên đến 8,000 tờ - khay nạp giấy: ≥ 50 sheets (A4: 80 g/m² or 20 lb.) - Đèn chiếu sáng / Công nghệ quét ảnh: LED/CIS - Tốc độ quét: ADF: ≥ 40 ppm, ≥ 80 ipm (@200dpi, 300 dpi, A4, chế độ trắng đen và màu) - Chế độ quét giấy dài: Lên đến 240 in. (6096 mm) ở chế độ màu 200 dpi ; lên đến 218 in. (5540 mm) ở chế độ màu 300 dpi; lên đến 59 in. (1500 mm) ở chế độ màu 600 dpi. - Nạp giấy nâng cao: Con lăn ma sát cải tiến giảm nạp nhiều giấy hoặc kẹt giấy - Độ dày scan thẻ: thẻ dập nổi 1.25 mm - Cổng giao tiếp / Kết nối tối thiểu: USB 2.0, USB 3.2 Gen1x1, RJ-45 Ethernet 10/100/1000 Mb - Màn hình điều khiển: LCD 1,77" màu với các nút điều khiển - Dung lượng bộ nhớ: ≥ 512MB SDRAM - Chỉ số độ ồn: Vận hành (≤ 52 dB), sẵn sàng (< 25 dB) - Kích cỡ giấy quét đầu vào: ADF Max. 216 x 356 mm (Legal) (8.5 x 14 in.); Min. 74 x 52 mm; Embossed card (Thickness 1.25 mm). - Định lượng giấy: 27g ~ 413 g/m² (7 to 110 lb); - Độ phân giải quang học: ≥ 600 dpi; - Độ phân giải đầu ra: ≥ 1200 dpi; - Độ sâu màu: ≥ 48-bit input 24-bit output; - Xử lý chống nhiễu hình ảnh: Dither and Error Diffusion; Công nghệ bảo vệ cuộn giấy kép; Cảm biến siêu âm Ultrasonic - Định dạng đầu ra: BMP, PNG, GIF, JPEG, Single-Page PDF, Multi-Page PDF, Multi-TIFF, TIFF, RTF, TXT, OCR (for iScan only), XPS, DOC, XLS, PPT, DOCX, XLSX, PPTX, HTML

	<ul style="list-style-type: none"> - Scan thuận tiện, không cần máy tính Có cổng USB 2.0 để scan và gửi trực tiếp dữ liệu từ máy in qua USB - Bảo hành \geq 02 năm
C	Hệ thống phòng họp trực tuyến
1	<p>Màn hình tivi 86 inch Loại Tivi: Smart Tivi Kích cỡ màn hình: \geq 86 inch Độ phân giải: \geq 4K (Ultra HD) Đèn nền: LED nền (Direct LED) Bộ xử lý: α7 AI Processor 4K Gen8 Tần số quét thực: \geq 60 Hz Bảo hành: \geq 01 năm</p>
2	Hệ thống âm thanh
2.1	<p>4x Loa treo tường – Đầu vào 100V: 7,5W/15W/30W/60W – Đầu vào 70V: 3,75W/7,5W/15W/30W/60W – Đầu vào 8Ω: 140W – Xếp hạng IP: Chống nước Ip66 hoặc cao hơn – Độ nhạy (1m/1W): 94\pm3 dB – Đáp ứng tần số: 60Hz-20KHz – Kích thước (D*W*H): 200*190*330 mm (không có giá đỡ) – Trọng lượng tịnh: 3,6 kg – Trình điều khiển loa trầm: 6,5"*1 (không thấm nước) – Trình điều khiển Tweeter: 1,5"*1 (không thấm nước) – Lắp đặt: Giá đỡ có thể điều chỉnh – Chất liệu: Vỏ và khung bằng nhựa PP, lưới tản nhiệt bằng nhôm – màu sắc: màu trắng hoặc đen (Tuỳ chọn)</p>
2.2	<p>1x Amply liền vang – Điện áp: AC 220V / 50-60Hz – Thông số công suất: Ở chế độ 8Ω: 2x250W; Ở chế độ 4Ω: 2x370W – Tần số đáp ứng 20Hz-20KHz – Đầu vào mic: phía trước 3, phía sau 2 kênh – Cổng kết nối: thẻ SD, Bluetooth, USB với MP3. Nhiều đầu vào âm thanh RCA – Hỗ trợ bốn bộ công đầu vào RCA BGM, DVD, VCR và AUX – Micro độ nhạy 12mV Âm nhạc 300mV – Điều chỉnh âm bổng cân bằng micro: TREBLE+-6dB ,điều chỉnh tầm trung MID+-6dB, điều chỉnh âm trầm BASS+-6dB – Cân bằng âm nhạc điều chỉnh âm bổng: TREBLE+-10dB, điều chỉnh tầm trung MID+-10dB, điều chỉnh âm trầm BASS+-10dB – Tỷ lệ tín hiệu trên tạp âm 70dB – Âm lượng phía sau có thể được điều chỉnh riêng, với điều chỉnh và đầu ra loa siêu trầm – Mạch bảo vệ DC/quá tải/nhiệt độ/hú – Kích thước (H x W x D) : 130x490x353mm – Trọng lượng 16kg</p>
2.3	1x Thiết bị xử lý âm thanh

	<ul style="list-style-type: none"> - Mức điện đầu vào MAX cho âm nhạc: + 14dBu (4V RMS) - Mức điện đầu ra MAX cho đầu ra CH: + 14dBu (4V RMS) - Tăng âm nhạc : dB, + 3dB, + 6dB, + 12dB - Độ nhạy của micro: 64mV (Out : 4V) - S / N: > 90dB - Nguồn điện cung cấp : 220V / AC / 50Hz - Kết nối cổng quang optical, USB, AV - Điều chỉnh Bass, Treble, Delay, Echo, Reverb - 3 cổng cắm micro với núm chỉnh riêng biệt - 2 đường AUX in - 2 đường mic in - 6 đường tín hiệu ra và có EQ cho từng đường (main L R, center, surround L R, sub) - Kết nối sử dụng qua USB LAPTOP (RS232) - Nhớ được 16 chương trình (có remote chọn, điều chỉnh) - 3 cấp độ cắt rít tự động - Chế độ đặt giới hạn tốt đa âm lượng - Tích hợp đầy đủ Cossover, Compresor, Equalizer - Chống hú cực hiệu quả với chế độ FBX - Màn hình hiển thị thông tin - Sử dụng hát karaoke, nghe nhạc đều hay - Chống hú 99%, Có reverb + Echo - Bộ chip Analog Devices ADSP-21571 năm dòng ADI mới nhất, bộ xử lý DSP lõi kép tốc độ cao 64 bit - Chỉnh chuyên nghiệp bằng tay và bằng máy tính, lưu 9 cấu hình
2.4	<p>1x Mixer</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bàn trộn 12 kênh, 8 mono + 2 stereo đường vào - Đầu vào micro: 8 - Nguồn 48V Phantom - Hai nhóm trái / phải nguồn ra chính main Output, two groups of output - Đầu vào dòng Setero: 2 - Đầu ra chính 1: 2 XLR và 2 TRS Jack - Đầu ra: 2 - FX đến AUX gửi: 1 - Đầu ra nhóm: 2 nhóm ĐẦU RA NHÓM 2 Nhóm - EQ mỗi kênh: 4 dải - Fffector DSP 36 DSP (hiệu ứng kỹ thuật số) hiệu quả cao - Cổng âm thanh: MP3 player với SD / USB interface - Chức năng PEL: có - Nguồn điện: 100V-240V - Màn hình tinh thể lỏng LCD cho hiển thị chính xác - 99 Hiệu ứng âm vang kỹ thuật số DSP - Nguồn Phantom: 48V
2.5	<p>1x Micro cổ ngỗng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại micro: điện động - Tính định hướng: đơn hướng - Đáp tuyến tần số: 40Hz~16KHz

	<ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy: 47dB ± 3dB(0dB=1V/Pa ở 1KHz) - Chiều dài micro: 600 mm - Trở kháng đầu ra: 75-Balanced - Tỉ lệ S/N: 68dB - Cường độ âm thanh tối đa: 123dB - Nguồn cấp Phantom: DC48V - Nguồn điện cấp: Pin AA - Kết nối: Jack Canon hoặc 6ly - Kích thước micro: 140×88×38mm - Trọng lượng: 1.6kg - Tham chiếu âm thanh micro nhận cách: 20 -50 cm - Thành phẩm: Nhựa ABS màu đen
2.6	<p>1x Micro Không Dây</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điện áp sử dụng: 110V – 220V , 50Hz – 60Hz - Chất liệu vỏ: hợp kim + nhựa - Tần số đáp ứng: UHF 530MHz – 580MHz - Sai lệch tần số: ± 0.005% - Độ nhạy:-107dBm - Tần số; 100Hz – 200KHz - Màn hình hiển thị LCD - Kênh thu: 2RF/ 2 Kênh - Số lượng tần số: 200 điểm tần số - Phạm vị thu sóng: ≥ 50m - Phản hồi âm thanh: 40Hz-18KHz(±3dB) - Nhiệt độ hoạt động: -25oC–+40oC - Nguồn điện: 2 chiếc pin AA - Tuổi thọ của bột: 10 giờ ở công suất bình thường, 12 giờ ở công suất thấp - Full box gồm có: 2 micro không dây (set được 200 tần số), 01 đầu thu, 2 chống lẩn cho tay micro, 2 ăng ten, dây nguồn , dây đầu 6 ly sử dụng cho đầu thu
2.7	<p>1x Camera hội nghị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ phân giải video HDMI: 4KP60, 4KP59.94, 4KP50, 4KP30, 4KP29.97, 4KP25, 1080P60, 1080P59.94, 1080P50, 1080P30, 1080P29.97, 1080I60, 1080I59.94, 1080I50, 720P60, 720P59.94 - Cảm biến 1/2.8", CMOS, 8.46 Megapixel - Chế độ quét Progressive - Ống kính 12x, f=3.47mm ~ 41.65mm, F1.84 ~ F3.72 - Zoom kỹ thuật số 16x - Độ sáng tối thiểu 0.5Lux @ (F1.8, AGC ON)
2.8	<p>Kệ tủ tivi 86 inch Kích thước: 1,6 x 0,6 x1,2m. Chia học đựng thiết bị âm thanh, có cánh Chất liệu MDF</p> <p>Hoặc giá treo tivi 86 inch, có bánh xe di động</p>
3	Vật tư và thi công
3.1	Vật tư
3.1.1	Vật tư hệ thống phòng họp trực tuyến - Dây loa, dây điện, dây HDMI, vật tư phụ khác...

<p>3.1.2</p>	<p>Vật tư hệ thống mạng</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2 switch 48 port Quản lý tập trung qua: Cloud (Web hoặc App) ; Local (on-premise) hoặc tương đương <p>Cài đặt không chạm: Switch phải đi kèm mã QR để dễ dàng đăng ký thông qua ứng dụng điện thoại</p> <p>Kiểu gấn: 19" 1U</p> <p>Gigabit Ports: ≥ 48x10/100/1000 Mbps Ports; SFP+ Ports: 4x 10Gbps SFP+ uplink ports</p> <ul style="list-style-type: none"> * Công suất chuyển mạch: ≥ 176Gbps " * Packet Forwarding Rate (Mpps) : ≥ 130.95Mpps * Bộ nhớ Flash: ≥ 128 MB * SDRAM: ≥ 512MB" * MAC Address: ≥ 32K <p>RJ45 Console Port: Có (RJ45 console cable đi kèm trong hộp)</p> <p>Nguồn điện: 100 to 240 VAC, 50/60Hz</p> <p>Jumbo frame: ≥ 10K</p> <p>Multicast Group: Max 256 groups</p> <p>MLD Snooping: MLD Snooping: v1</p> <p>QoS-number of Priority Queues Supported: Queue 8</p> <p>QoS Trust Mode: * Cos/802.1p * DSCP * CoS/802.1p-DSCP</p> <p>Scheduling Mechanism: Strict / WRR/ Strict + WRR</p> <p>Port Security: Max. 256 Entries</p> <p>Access Control List (ACL): * MAC Based ACL * IPv4/IPv6 Based ACL * ACL Binding</p> <p>"Web Graphical User Interface (GUI): HTTP IPv4 / IPv6 ; HTTPS IPv4 / IPv6;</p> <p>SNMP: SNMP v1/v2c/v3 Support</p> <p>RMON: RMON 1,2,3,9</p> <ul style="list-style-type: none"> - STP/RSTP/MSTP, LACP, Flow Control 802.1Q - VLAN, Port-based VLAN, Voice VLAN, CoS, Storm Control - 802.1X RADIUS, DHCP Snooping/Relay, MAC Check - IEEE 802.3az EEE - IPv4/IPv6, CLI/SSH/Telnet, TFTP, Backup/Upgrade, SNTP, SYSLOG <p>Các tính năng Layer 3: Multiple IP Interface:</p> <p>20 IPv6 address ARP Table; Max. 192 ARP entries IPv4 Static Route; Max. 63 entries IPv6 Static Route; Max. 21 entries</p> <p>Switch phải có tùy chọn bật/tắt đèn LED trên thiết bị.</p> <p>Switch phải đi kèm các công cụ chẩn đoán: Ping Test, CRC Error, Trace Route.</p> <p>Switch phải kiểm tra được tình trạng đầu nối cable (Cable Test).</p> <p>1 Thiết bị cân bằng tải (router) hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> - CPU: Bộ xử lý 2 nhân (Dual-core), 2.1GHz - Ram: ≥ 4 GB, Bộ nhớ : ≥8 GB - Số lượng cổng: + ≥ 4 x cổng 10/100/1000 BASE-T, RJ-45 (Ethernet) (bao gồm 1 x PoE port) + ≥1 x cổng SFP + ≥1 x cổng Console 10/100/1000, RJ-45 Ethernet + ≥1 x USB3.0 port
--------------	--

	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo mật : TPM - Hiệu suất: - Thông lượng tường lửa (SPI Firewall): ≥ 3 Gbps - Thông lượng VPN: ≥ 900 Mbps - Số phiên TCP đồng thời tối đa: $\geq 1.000.000$ - Số đường hầm VPN đồng thời tối đa: ≥ 100 - Số VLAN tối đa: ≥ 16 - Tính năng tường lửa: Lọc kiểm tra gói tin (SPI), 1:1 NAT , Port Forwarding, Kiểm soát ứng dụng (Layer 7 Application Firewall), cho phép mở rộng dịch vụ vào WAN có kiểm soát - Hỗ trợ nhiều loại VPN : Site-to-Site VPN, Hub-and-Spoke / Mesh VPN, IPSec IKEv1 / IKEv2, SecuPoint SSL VPN Client, Policy-based VPN, NAT-Traversal (NAT-T), Auto-VPN connection & Auto NAT traversal, Dead Peer Detection (DPD), mã hoá dữ liệu (3DES, AES (256/192/128-bit), Xác thực (MD5, SHA1, SHA2 256-bit)+ Cable 6 UTP <p>Cáp mạng, Rj45, các vật tư phụ khác...</p>
3.2	<p>Thi công:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thi công hệ thống phòng họp trực tuyến - Thi công hệ thống mạng - Thi công làm gọn tủ rack, đánh nhãn.

Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “ưu việt hơn” so với các yêu cầu tối thiểu.

1.3. Các yêu cầu khác

- Nhà thầu cam kết cung cấp đầy đủ các tài liệu sau:
 - + Đối với hàng hóa nhập khẩu (Bản gốc hoặc bản sao y): Chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO), Chứng nhận chất lượng (CQ).
 - + Đối với hàng hóa sản xuất trong nước (Bản gốc hoặc bản sao y): Giấy chứng nhận chất lượng (hợp chuẩn, hợp quy...) được cơ quan có thẩm quyền cấp cho đơn vị sản xuất.
- Nhà thầu cam kết tất cả hàng hóa phải mới 100%, nguyên đai nguyên kiện, đồng bộ, chưa qua sử dụng, **sản xuất năm 2024 trở về sau**, được bảo hành chính hãng theo tiêu chuẩn nhà sản xuất.
- Nhà thầu cam kết đào tạo, hướng dẫn sử dụng cho người dùng và đảm bảo các cán bộ kỹ thuật được giao quản lý hệ thống Mua sắm trang thiết bị đầu cuối tại Văn phòng Đảng ủy phường Tân Mỹ có thể vận hành thành thạo sau khi được bàn giao.

- Nhà thầu cam kết trình bày chi tiết các giải pháp kết nối hệ thống Mua sắm trang thiết bị/ hàng hóa cũng như đảm bảo lắp đặt hệ thống âm thanh, phần mềm tại Đảng ủy phường Tân Mỹ, khi có yêu cầu của bên mời thầu để làm rõ khả năng đảm bảo đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu kỹ thuật tại Mục 1.2 Chương V của E-HSMT.

- Nhà thầu cam kết huy động tối đa nhân lực thực hiện gói thầu khi có yêu cầu của Bên mời thầu/Chủ đầu tư nhằm rút ngắn tiến độ thực hiện gói thầu trên cơ sở đảm bảo chất lượng và hiệu quả kinh tế.

- Nhà thầu cam kết đã hiểu rõ các yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT (Mục 3 - Chương III, Chương V). Trường hợp xảy ra bất kỳ sai sót nào do không hiểu rõ các yêu cầu kỹ thuật thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.

- Trường hợp nhà thầu là nhà sản xuất hàng hóa, nhà thầu chứng minh năng lực sản xuất của hàng hoá tương ứng theo một trong những cách thức sau:

+ Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu là $Y1 = 1,5 \times (\text{Số lượng yêu cầu của gói thầu} \times 30 / \text{thời gian thực hiện gói thầu (tính theo ngày)})$ hoặc

+ Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 năm trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu là $Y2 = 1,5 \times (\text{Số lượng yêu cầu của gói thầu} \times 365 / \text{thời gian thực hiện gói thầu (tính theo ngày)})$.

+ Năng lực sản xuất hàng hoá của nhà thầu được xem là đáp ứng yêu cầu của E-HSMT khi nhà thầu chứng minh được năng lực sản xuất của từng hàng hoá dự thầu tương ứng $\geq Y1$ hoặc $Y2$. Nếu năng lực sản xuất hàng hoá của nhà thầu có giá trị $< Y1$ hoặc $Y2$ thì sẽ được đánh giá là không đạt theo yêu cầu của E-HSMT.

- Trường hợp nhà thầu vừa là sản xuất, vừa là nhà cung cấp (một số hàng hóa hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu chào trong E-HSDT là do nhà thầu sản xuất, một số hàng hóa khác hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác để cung cấp cho gói thầu) thì ngoài kê khai về năng lực sản xuất, nhà thầu còn phải kê khai về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự theo nội dung quy định tại Mục 4 Bảng số 01 Chương này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác)

và năng lực sản xuất của nhà thầu (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu tự sản xuất để cung cấp cho gói thầu).

- Nhà thầu lưu ý quy định tại Điều 93 Khoản 2 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Mục 2. Bản vẽ

Không có.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Kiểm tra thông số kỹ thuật các Mua sắm trang thiết bị/ hàng hóa đầu cuối tại Đảng ủy phường Tân Mỹ được cung cấp;

- Vận hành các thiết bị/ hàng hóa chạy thử để có đánh giá chung về Mua sắm trang thiết bị đầu cuối tại Đảng ủy phường Tân Mỹ được triển khai.